

Số: **44** /2015/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày **23** tháng **11** năm 2015

ĐẾN SỐ: 6950
Ngày: 12/12/15

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp chính

Căn cứ Nghị định số 119/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Pháp lệnh Giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24/3/2004 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp chính.

Điều 1. Ban hành Danh mục giống cây trồng lâm nghiệp chính, bao gồm giống của 40 loài cây tại phụ lục kèm theo.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày **10** tháng **01** năm **2016**.

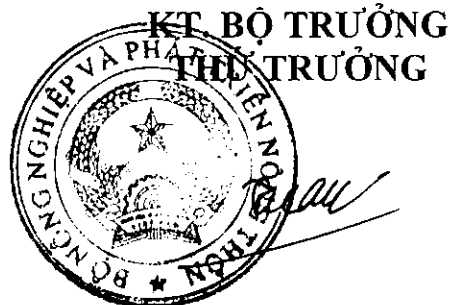
2. Thông tư này thay thế Quyết định số 13/2005/QĐ-BNN ngày 15/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục giống cây lâm nghiệp chính; Quyết định số 24/2007/QĐ-BNN ngày 09/4/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Danh mục bổ sung giống cây lâm nghiệp chính.

3. Bãi bỏ Quyết định số 16/2005/QĐ-BNN ngày 15/3/2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Ban hành Danh mục các loài cây chủ yếu cho trồng rừng sản xuất theo 9 vùng sinh thái lâm nghiệp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Tổng cục trưởng Tổng cục Lâm nghiệp, Vụ trưởng Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- VP Chính phủ;
- Bộ trưởng Cao Đức Phát;
- Công báo Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Tổng cục Hải quan; Bộ Tài chính;
- Website Chính Phủ; Website Bộ NN&PTNT;
- UBND các tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- Sở NN & PTNT các tỉnh, Tp trực thuộc TW;
- Lưu: VP, TCLN.



Hà Công Tuấn

DANH MỤC GIỐNG CÂY TRỒNG LÂM NGHIỆP CHÍNH

(Ban hành kèm theo Thông tư số *44* /2015/TT-BNNPTNT, ngày *23* tháng *11* năm 2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Bạch đàn camal (*Eucalyptus camaldulensis*)
2. Bạch đàn lai (*Eucalyptus hybrid*)
3. Bạch đàn urô (*Eucalyptus urophylla* S.T.Blake)
4. Bạch đàn pellita (*Eucalyptus pellita*)
5. Bần chua (*Sonneratia caseolaris* (L.) Engler)
6. Bồ đề (*Styrax tonkinensis* Piere)
7. Bời lời đỏ (*Litsea glutinosa* (Lowr) C.B.Rob)
8. Dầu rái (*Dipterocarpus alatus* Roxb)
9. Đước (*Rhizophora apiculata* Blume)
10. Giổi xanh (*Michelia mediocris* Dandy)
11. Hồi (*Illicium verum* Hook.f)
12. Huỳnh (*Terretia javanica* Blume)
13. Keo tai tượng (*Acacia mangium* Willd)
14. Keo lá tràm (*Acacia auriculiformis* A.Cunn. ex Benth)
15. Keo lai (*Acacia hybrid*)
16. Keo lười liềm (*Acacia crassicarpa* A.Cunn. ex Benth)
17. Keo chịu hạn (*Acacia difficilis*)
18. Lát hoa (*Chukrasia tabularis* A.Juss)
19. Lim xanh (*Erythrophloeum fordii* Oliv)
20. Mắc ca (*Macadamia integrifolia* Maid. Et Betche)
21. Mỡ (*Mangletia conifera* Dandy)
22. Phi lao (*Casuarina equisetifolia* Forst. et Forst.f)
23. Quế (*Cinamomum cassia* Presl)
24. Sa mộc (*Cunninghamia lanceolata* (Lamb.) Hook)
25. Sao đen (*Hopea odorata* Roxb)

26. Sơn tra (*Docynia indica* (Wall) Dec)
27. Sồi phẳng (*Pasania cerebrina* Champ. Ex Benth)
28. Thông nhựa (*Pinus merkusii* Jungh. et de Vries)
29. Thông mã vĩ (*Pinus massoniana* Lamb)
30. Thông ba lá (*Pinus kesiya* Royle ex Gordon)
31. Thông caribê (*Pinus caribaea* Morelet)
32. Tràm lá dài (*Melaleuca leucadendra* L)
33. Tràm cừ (*Melaleuca cajuputi* Powell)
34. Trám trắng (*Canarium album* (Lour) Raeusch)
35. Trám đen (*Canarium tramdenum* Dai & Ykovl)
36. Têch (*Tectona grandis* L)
37. Trôm (*Sterculia foetida* L)
38. Vẹt (*Bruguiera* sp)
39. Vôi thuốc (*Schima Wallichii* Choisy)
40. Xoan chịu hạn (*Azadirachta indica* A. Juss)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Hà Công Tuấn